

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 04/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lữ Văn Đức

Bà: Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bé Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 03 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo **Nông Văn A**, sinh ngày 14/7/1988

Nơi sinh: xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nông Văn B, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1963; Vợ: Ma Thị D, sinh năm 1992; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án: Ngày 23/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 27/12/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Bà Bé Thị T, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Có mặt tại phiên tòa)

- Ông Thân Văn E, sinh năm 1973; Trú tại: Tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ dân phố Z, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

- Bà Lò Thị Th, sinh năm 1980; Trú tại: xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Có mặt tại phiên tòa)

** Người làm chứng:*

- Bà Phương Thị F, sinh năm 1981; Trú tại: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1963; Trú tại: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc nhận được phiếu chuyển tố giác, tin báo về tội phạm của Ban Công an thị trấn B tiếp nhận tố giác của bà Bé Thị T, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, về việc từ tháng 11/2018 gia đình bà bị mất trộm vỏ cây quế phơi ở sân cạnh nhà nhiều lần. Ngày 17/11/2018 bà T theo dõi và phát hiện đối tượng Nông Văn A, sinh năm 1988, trú tại xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng có hành vi trộm vỏ cây quế đang phơi của gia đình bà. Khi bị bà T phát hiện A đã vứt lại đồng vỏ cây quế và bỏ chạy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ số vỏ cây quế mà A bỏ lại, xác định khối lượng là 23kg (Hai mươi ba kilogam). Ngày 25/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc xác định giá trị của 23kg (Hai mươi ba kilogam) vỏ quế mà A đã lấy trộm. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33 ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc kết luận tổng giá trị của 23 kg (Hai mươi ba kilogam) vỏ quế là 276.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Đối với Nông Văn A đã có 01 tiền án: Ngày 23/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xử phạt 08 (Tám) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tháng 7/2017 mới chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích về hành vi trộm cắp tài sản. Do

đó, hành vi trộm cắp tài sản của Nông Văn A đã bị khởi tố, điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Nông Văn A khai nhận, ngoài vụ trộm cắp vỏ quế vào ngày 17/11/2018 tại Tổ dân phố X, thị trấn B, A còn thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

- Tháng 7/2018, A lấy trộm sắt vụn của gia đình ông Thân Văn Ch trú tại Tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện B, 02 (hai) lần, 01 (một) lần 30 kg (Ba mươi kilogam), 01 (một) lần 40 kg (Bốn mươi kilogam), đem đi bán với giá tiền là 6.000đ (Sáu nghìn đồng)/ 01kg, được tổng cộng số tiền là 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Cả 02 (hai) lần Hưng đều mang sắt vụn bán cho bà Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1991, trú tại Tổ dân phố Z, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Tháng 10/2018, A trộm vịt của gia đình ông Ch 02 (hai) lần: lần thứ nhất trộm được 04 (bốn) con, lần thứ hai được 03 (ba) con, mỗi con nặng khoảng 1,2 kg, đem bán cho một người không quen biết tại chợ thị trấn B, huyện B với giá tiền 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng)/ 01 con, cả hai lần bán được tổng số tiền là 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tháng 11/2018, A còn lấy trộm vỏ quế của bà T 02 (hai) lần, lần thứ nhất 23 kg (Hai mươi ba kilogam), lần thứ hai là 15 kg (Mười năm kilogam). Cả hai lần đều đem bán cho bà Lò Thị Th trú tại xóm N, thị trấn B, huyện B, Cao Bằng, với giá tiền 6.000đ (Sáu nghìn đồng)/01 kg. Cả hai lần bán được tổng số tiền là 228.000đ (Hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Toàn bộ số tiền từ trộm tài sản đem bán mà có, A đều mang đi mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản A trộm cắp không truy thu được. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34 ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: giá trị 70 kg (Bảy mươi kilogam) sắt vụn là 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng); 38 kg (Ba mươi tám kilogam) vỏ quế khô là 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng); 07 (bảy) con vịt là 672.000đ (Sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.852.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSBL ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn A về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố Nông Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn A với khung hình phạt từ 24 (Hai mươi tư) đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo Nông Văn A phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Thân Văn Ch và Bế Thị T toàn bộ giá trị tài sản bị thiệt hại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị hại Bế Thị T, Thân Văn Ch trong quá trình điều tra và tại phiên tòa yêu cầu bị cáo Nông Văn A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản do Hung trộm cắp và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Th, bà Đỗ Thị Hải Y đều thừa nhận được mua tài sản là vỏ quế và sắt vụn với A, nhưng không biết đó là tài sản do A trộm cắp mà có và sau khi thu mua đã bán cho người khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến yêu cầu gì.

Bị cáo Nông Văn A thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nông Văn A thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản của nhiều người đem bán phục vụ cho nhu cầu của cá nhân. Hành vi của bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...
b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;... "

Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nông Văn A về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo Nông Văn A sinh ra và lớn lên tại thị trấn B. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 (một) tiền án, Ngày 23/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xử phạt 08 (Tám) tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuy nhiên bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo có hiểu biết và nhận thức về pháp luật, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng rèn luyện đạo đức mà tiếp tục có hành vi trộm cắp. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các bị hại Bé Thị T, Thân Văn Ch là có căn cứ cần được chấp nhận. Cần buộc bị cáo Nông Văn A phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho các bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 27/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại 23 kg (Hai mươi ba kilogam) vỏ quế khô cho bà Bé Thị T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Nông Văn A phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nông Văn A 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 27/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn A phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Bé Thị T, trú tại Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng); Thân Văn Ch, trú tại Tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 1.092.000đ (Một triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bị cáo Nông Văn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại Tươi, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Th. Vắng mặt bị hại Ch, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Y. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND thị trấn B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DOANH THỊ MÂY

